TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1131/2018/DS-PT
Ngày: 29-11-2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Kim Thoa.
Các Thẩm phán:
1. Ông Đào Hồng Cảnh
2. Ông Trần Nam Bình

- ***Thư ký ghi biên bản phiên tòa***: Ông Nguyễn Gia Nam – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Nguyễn Văn Hoàng – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2018 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 443/2018/TLPT-DS ngày 13 tháng 9 năm 2018 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản",

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 129/2018/DS-ST ngày 31 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4824/2018/QĐPT-DS ngày 15 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 9272/2018/QĐ-PT ngày 07/11/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ
Trụ sở chính: Phường B, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông Võ Minh T, sinh năm 1967 –Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ
Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1966 –Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ (theo Quyết định ủy quyền số 277/QĐ-HĐQT-DAB ngày 31/12/2015)
Ông Nguyễn Thanh T ủy quyền lại cho ông Nguyễn Chí Thành Đ, sinh năm 1980 – Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ, Chi nhánh Quận 5 (theo Quyết định ủy quyền số 1084/QĐ-DAB-PC ngày 21/6/2018)
Ông Nguyễn Chí Thành Đ ủy quyền lại cho ông Tô Quốc C, sinh năm 1987 - Nhân viên PTKD-KHCN Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ, Chi nhánh Quận 5 (theo Quyết định ủy quyền số 14/QĐ-DAB-Q5 ngày 28/6/2017).

2. Bị đơn: Ông Trần Văn V, sinh năm 1981
Địa chỉ: Xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người kháng cáo: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ – Nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 12-5-2017, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ có người đại diện theo ủy quyền là ông Tô Quốc C trình bày:

Ngày 24-5-2011, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ – Chi nhánh Quận 5 (gọi tắt là Ngân hàng Đ) đã cấp hạn mức tín dụng cho ông Trần Văn V với số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) theo Giấy đăng ký sử dụng thẻ visa Đ Bank với chi tiết như sau:

- Số tài khoản Visa: 0800590821
- Hạn mức: 150.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm năm mươi triệu đồng)
- Lãi suất: 18%/năm
- Thời hạn vay: 24 tháng
- Mục đích vay: tiêu dùng

Trong quá trình vay từ ngày 24/5/2011 đến ngày 29/5/2018, ông Trần Văn V không thanh toán đầy đủ cho Ngân hàng Đ.

Do đó, Ngân hàng Đ khởi kiện ông Trần Văn V để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng vay nói trên với yêu cầu như sau:

- Dư nợ gốc là 131.841.279 đồng (Bằng chữ: Một trăm ba mươi mốt triệu tám trăm bốn mươi mốt ngàn hai trăm bảy mươi chín đồng).
- Dư nợ lãi tính đến ngày 25/7/2018 là 143.067.416 đồng (một trăm bốn mươi ba triệu không trăm sáu mươi bảy ngàn bốn trăm mười sáu đồng).
- Dư nợ phí không lãi tính đến ngày 14/12/2014 là 336.817.742 đồng (ba trăm ba mươi sáu triệu tám trăm mười bảy ngàn bảy trăm bốn mươi hai đồng).

Tổng dư nợ: 611.726.437 đồng (sáu trăm mười một triệu bảy trăm hai mươi sáu ngàn bốn trăm ba mươi bảy đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 26/7/2018 đến ngày ông Trần Văn V thực trả hết nợ cho Ngân hàng Đ.

Trong trường hợp ông Trần Văn V không thực hiện việc trả tiền nêu trên thì Ngân hàng Đ được quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền phát mãi các tài sản thuộc sở hữu của ông Trần Văn V để thu hồi nợ cho Ngân hàng Đ.

Ông Trần Văn V phải chịu mọi chi phí phát sinh.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của Ngân hàng Đ xác nhận Ngân hàng đã khóa thẻ tín dụng của ông V từ ngày 08/8/2012 do ông V đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán số tiền tối thiểu trong 04 kỳ sao kê liên tiếp và kể từ đó cho đến nay ông V không thanh toán thêm bất kỳ số tiền nào nữa. Ông V cũng không có bất kỳ văn bản nào yêu cầu Ngân hàng Đ cho ông được tiếp tục sử dụng thẻ.

Bị đơn là ông Trần Văn V vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 129/2018/DS-ST ngày 31 tháng 7 năm 2018, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh đã quyết định như sau:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ đối với bị đơn anh Trần Văn V về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc bị đơn anh Trần Văn V có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ tổng số nợ tính đến ngày 25-7-2018 là 350.209.891 đồng (ba trăm năm mươi triệu hai trăm lẻ chín ngàn tám trăm chín mươi mốt đồng), trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Các bên đương sự thực hiện việc giao nhận tiền tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn anh Trần Văn V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 17.510.494 đồng (mười bảy triệu năm trăm mười ngàn bốn trăm chín mươi bốn đồng).

- Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 13.075.842 đồng (mười ba triệu không trăm bảy mươi lăm ngàn tám trăm bốn mươi hai đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 11.689.333 đồng (mười một triệu sáu trăm tám mươi chín ngàn ba trăm ba mươi ba đồng) theo Biên lai thu số AA/2016/0022239 ngày 28-6-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, thành phố Hồ Chí Minh. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ còn phải nộp bổ sung số tiền là 1.386.509 (một triệu ba trăm tám mươi sáu ngàn năm trăm lẻ chín đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Ngày 13 tháng 8 năm 2018, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Trần Văn V trả ngay một lần cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ tổng số nợ tạm tính đến ngày 25/7/2018 là 611.726.437 đồng và buộc

ông V phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm và hoàn lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà Ngân hàng Đ đã nộp là 11.689.333 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

- Nguyên đơn là Ngân hàng Đ có người đại diện hợp pháp là ông Tô Quốc C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, yêu cầu ông V phải thanh toán cho Ngân hàng Đ tổng số nợ tạm tính đến ngày 25/7/2018 là 611.726.437 đồng với lý do ông V vi phạm hợp đồng sử dụng thẻ nên phải thanh toán cho ngân hàng dư nợ gốc, tiền lãi và phí phạt chậm thanh toán tính đến ngày 14/12/2014 (ngày chuyển thành nợ quá hạn). Tuy nhiên, Tòa án sơ thẩm chỉ tính nợ gốc và lãi, không tính phí phạt chậm thanh toán tính đến ngày 14/12/2014 là không đúng, gây thiệt hại cho nguyên đơn.

- Bị đơn là ông Trần Văn V vắng mặt.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến như sau:

+ Về việc chấp hành pháp luật tố tụng trong giai đoạn phúc thẩm: Trong quá trình giải quyết vụ kiện và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ các quy định của pháp luật; các đương sự chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

+ Về kháng cáo của Ngân hàng Đ:

Theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng Đ Bank số 0800590821 lập ngày 23/5/2011 giữa ông Trần Văn V với Ngân hàng Đ và Giấy sử dụng thẻ tín dụng Đ Bank (bản chính) do ông Trần Văn V lập ngày 23/5/2011 thì ông Trần Văn V có mở thẻ tín dụng visa Đ Bank tại Ngân hàng Đ (chi nhánh Quận 5) theo số tài khoản Visa: 0800590821 với hạn mức tín dụng là 150.000.000 đồng.

Tại các bản sao kê do Ngân hàng Đ cung cấp thì ông V đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng đã khóa thẻ của ông V vào ngày 08/8/2012. Như vậy, theo quy định thì số dư nợ của ông V sẽ được chuyển thành nợ quá hạn. Tòa án cấp sơ thẩm xác định số dư nợ của ông V đươc chuyển thành nợ quá hạn từ ngày 08/8/2012 và tính toán số tiền ông V còn phải thanh toán cho Ngân hàng là 350.209.891 đồng là có căn cứ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng của của Ngân hàng Đ và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn là ông Trần Văn V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ quy định tại Khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành phiên tòa xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn là Ngân hàng Đ khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bị đơn là ông Trần Văn V. Theo kết quả trả lời xác minh của Công an xã B, huyện C thì ông Trần Văn V có đăng ký tạm trú tại địa chỉ xã B, huyện C nhưng hiện tại ông V chuyển đi đâu không rõ địa chỉ nơi đến. Như vậy, ông V có nơi cư trú cuối cùng tại huyện C. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện C thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

[3] Căn cứ Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng Đ Bank số 0800590821 lập ngày 23/5/2011 giữa ông Trần Văn V với Ngân hàng Đ; Giấy sử dụng thẻ tín dụng Đ Bank (bản chính) do ông Trần Văn V lập ngày 23/5/2011 thì ông Trần Văn V có mở thẻ tín dụng visa Đ Bank tại Ngân hàng Đ (chi nhánh Quận 5) theo số tài khoản Visa: 0800590821 với hạn mức tín dụng là 150.000.000 đồng. Thỏa thuận nêu trên giữa ông V và Ngân hàng Đ là phù hợp với quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 3 và khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng.

[4] Căn cứ các bảng sao kê thẻ tín dụng visa DAB từ tháng 5/2011 đến tháng 02/2018 do Ngân hàng Đ cung cấp và lời trình bày của Ngân hàng Đ thì ông V đã nhiều lần sử dụng thẻ tín dụng visa Đ Bank để giao dịch và nhiều lần có vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Theo Ngân hàng đến ngày 06/7/2012 ông V có thực hiện thanh toán một phần dư nợ nhưng từ sau ngày 06/7/2012 thì ông V tiếp tục vi phạm, không thanh toán thêm bất kỳ khoản nào nữa. do ông V vi phạm nghĩa vụ thanh toán số tiền tối thiểu trong 04 kỳ sao kê liên tiếp nên ngày 08/8/2012 Ngân hàng Đ đã khóa thẻ tín dụng của ông V.

[5] Như vậy, từ sau ngày 08/8/2012, do ông V đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng Đ đã khóa thẻ tín dụng của ông V là đúng quy định tại khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010: *"Tổ chức tín dụng có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm các quy định trong hợp đồng cấp tín dụng"*.

[6] Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010: *"Trong trường hợp khách hàng không trả được nợ đến hạn, nếu các bên không có thỏa thuận khác thì tổ chức tín dụng có quyền xử lý nợ, tài sản bảo đảm tiền vay theo hợp đồng cấp tín dụng, hợp đồng bảo đảm và quy định của pháp luật. Việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ, mua bán nợ của tổ chức tín dụng thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước"*; quy định tại khoản 4 Điều 1 Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về sửa đổi Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN: *"2. Đối với khoản nợ vay không trả nợ đúng hạn, được tổ chức tín dụng đánh giá là không có khả*

năng trả nợ đúng hạn và không chấp thuận cho cơ cấu lại thời hạn trả nợ, thì số dư nợ gốc của hợp đồng tín dụng đó là nợ quá hạn và tổ chức tín dụng thực hiện các biện pháp để thu hồi nợ", và theo thỏa thuận của các bên tại khoản 8.1 Điều 8 Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng Đ Bank số 0800590821 lập ngày 23/5/2011: "*Trường hợp Chủ thẻ không thanh toán đầy đủ số tiền thanh toán tối thiểu vào ngày đến hạn và không được DAB đồng ý cơ cấu lại thời hạn trả nợ, DAB có quyền chuyển toàn bộ số dư nợ gốc sang nợ quá hạn kể từ ngày đến hạn thanh toán đó*¿ thr ông V phải chịu phí phạt chậm thanh toán tính đến ngày 08/8/2012, còn từ ngày 09/8/2012 cho đến nay khoản nợ của ông V đương nhiên chuyển sang nợ quá hạn theo như thỏa thuận giữa các bên và quy định của pháp luật nên có cơ sở để xác định ông V chỉ phải trả cho Ngân hàng Đ dư nợ gốc, dư nợ lãi và phí phạt chậm thanh toán khi chưa chuyển sang nợ quá hạn tính đến ngày 08/8/2012; dư nợ lãi khi chuyển sang nợ quá hạn tính từ ngày 09/8/2012 đến ngày 25/7/2018, còn yêu cầu tính phí không lãi đối với số dư nợ của ông V tính đến ngày 14/12/2014 của Ngân hàng Đ là không có cơ sở để chấp nhận.

[7] Qua phân tích trên, ông V phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Đ cụ thể như sau:

- Dư nợ gốc, lãi và phí phạt chậm thanh toán khi chưa chuyển sang nợ quá hạn tính đến ngày 08/8/2012 gồm:

+ Nợ gốc tính đến tháng 8/2012 là 131.841.279 đồng;

+ Dư nợ lãi tính đến ngày 08/8/ 2012 là 1.976.178 đồng;

+ Phí phạt chậm thanh toán tính đến ngày 08-8-2012 là 1.017.279 đồng;

Tổng cộng dư nợ gốc, lãi và phí phạt chậm thanh toán khi chưa chuyển sang nợ quá hạn tính đến ngày 08/8/2012 là: 131.841.279 đồng + 1.976.178 đồng + 1.017.279 đồng = 134.946.044 đồng (một trăm ba mươi bốn triệu chín trăm bốn mươi sáu ngàn không trăm bốn mươi bốn đồng).

- Dư nợ lãi khi chuyển sang nợ quá hạn tính từ ngày 09/8/2012 đến ngày 25/7/2018 tương ứng với số tiền 215.263.847 đồng (hai trăm mười lăm triệu hai trăm sáu mươi ba ngàn tám trăm bốn mươi bảy đồng).

Tổng cộng ông V phải trả cho Ngân hàng Đ tính đến ngày 25/7/2018 là: 134.946.044 đồng + 215.263.847 đồng = 350.209.891 đồng (ba trăm năm mươi triệu hai trăm lẻ chín ngàn tám trăm chín mươi mốt đồng).

[8] Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng buộc bị đơn ông Trần Văn V có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng Đ tổng số nợ tính đến ngày 25/7/2018 là 350.209.891 đồng (ba trăm năm mươi triệu hai trăm lẻ chín ngàn tám trăm chín mươi mốt đồng); ông V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 17.510.494 đồng (mười bảy triệu năm trăm mười ngàn bốn trăm chín mươi bốn đồng) và Ngân hàng Thương mại Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 13.075.842 đồng (mười ba triệu không trăm bảy mươi lăm ngàn tám trăm bốn mươi hai đồng) là có căn cứ.

[9] Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ khi thi hành án đối với khoản nợ vay của các tổ chức tín dụng được áp dụng theo Án lệ số 08/2016/AL

được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17-8-2016 và công bố theo Quyết định số 698/QĐCA ngày 17-10-2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

[10] Kháng cáo của Ngân hàng yêu cầu ông V phải trả cho Ngân hàng Đ tổng số nợ tạm tính đến ngày 25/7/2018 là 611.726.437 đồng và buộc ông V phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm là không có cơ sở để Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[11] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cũng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[12] Do yêu cầu kháng cáo của Ngân hàng Đ không được chấp nhận nên Ngân hàng Đ phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 296, Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

I. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 129/2018/DS-ST ngày 31 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 3, khoản 2 Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17-8-2016 và công bố theo Quyết định số 698/QĐCA ngày 17-10-2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ đối với bị đơn anh Trần Văn V về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc bị đơn anh Trần Văn V có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ tổng số nợ tính đến ngày 25-7-2018 là 350.209.891 đồng (ba trăm năm mươi triệu hai trăm lẻ chín ngàn tám trăm chín mươi mốt đồng), trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Các bên đương sự thực hiện việc giao nhận tiền tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn anh Trần Văn V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 17.510.494 đồng (mười bảy triệu năm trăm mười ngàn bốn trăm chín mươi bốn đồng).

- Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 13.075.842 đồng (mười ba triệu không trăm bảy mươi lăm ngàn tám trăm bốn mươi hai đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 11.689.333 đồng (mười một triệu sáu trăm tám mươi chín ngàn ba trăm ba mươi ba đồng) theo Biên lai thu số AA/2016/0022239 ngày 28-6-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, thành phố Hồ Chí Minh. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ còn phải nộp bổ sung số tiền là 1.386.509 (một triệu ba trăm tám mươi sáu ngàn năm trăm lẻ chín đồng).

II. Án phí dân sự phúc thẩm: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng mà Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0005725 ngày 13/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

III. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

IV. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- TAND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND huyện C;
- Chi cục THA DS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Kim Thoa